

THÔNG BÁO

V/v giới hạn nội dung, tài liệu ôn tập cho thí sinh tham dự kỳ xét tuyển đặc cách giáo viên huyện Krông Bông năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-UBND, ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Phương án xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Bông.

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng xét tuyển đặc cách giáo viên huyện ngày 11/6/2020.

Hội đồng xét tuyển đặc cách giáo viên huyện Krông Bông năm 2020 thông báo về giới hạn nội dung, tài liệu ôn tập đối với thí sinh tham dự kỳ xét tuyển đặc cách giáo viên vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục huyện Krông Bông năm 2020, cụ thể như sau:

A. KIẾN THỨC CHUNG: (Phần dành cho tất cả các bậc học)

1. Luật Viên chức năm 2010 (số 58/2010/QH12), gồm các điều sau: Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19.

2. Luật Giáo dục năm 2019 (số 43/2019/QH14), gồm các điều sau: Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 14, Điều 18, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 60, Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 110, Điều 111, Điều 112.

3. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức: Điều 3, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 44.

4. Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức, gồm các điều sau: Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 23.

5. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 1/4/2019, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, gồm các điều sau: Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10.

6. Nghị định số 56/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, gồm các điều sau: *Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28.*

B. KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN: (Phần dành riêng cho từng bậc học)

I. Dành cho bậc Mầm non:

1. Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 14/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2. Thông tư số 26/2018/TT- BGDDĐT, ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Điều lệ trường Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT, ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường Mầm non.

4. Thông tư số 48/2011/TT- BGDDĐT, ngày 25/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

5. Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT, ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục Mầm non và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một nội dung chương trình Giáo dục mầm non.

*** Đối với Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT, ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ôn tập những phần sau:**

Phần Một: Những vấn đề chung

A. Mục tiêu giáo dục mầm non

B. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ.

I. Yêu cầu về nội dung giáo dục mầm non

II. Yêu cầu về phương pháp giáo dục mầm non

III. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ

Phần Hai: Chương trình giáo dục nhà trẻ

A. Mục tiêu

I. Phát triển thể chất

II. Phát triển nhận thức

III. Phát triển ngôn ngữ

IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

B. Kế hoạch thực hiện

I. Phân phối thời gian

II. Chế độ sinh hoạt

C. Nội dung

I. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

E. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục.

I. Các hoạt động giáo dục

II. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

III. Phương pháp giáo dục

IV. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động

G. Đánh giá sự phát triển của trẻ

I. Đánh giá trẻ hàng ngày

II. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

Phần Ba: Chương trình giáo dục mẫu giáo

A. Mục tiêu

I. Phát triển thể chất

II. Phát triển nhận thức

III. Phát triển ngôn ngữ

IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

V. Phát triển thẩm mỹ

B. Kế hoạch thực hiện chương trình

I. Phân phối thời gian

II. Chế độ sinh hoạt

C. Nội dung

I. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

E. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục

I. Các hoạt động giáo dục

II. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

III. Phương pháp giáo dục

IV. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động

G. Đánh giá sự phát triển của trẻ

I. Đánh giá trẻ hàng ngày

II. Đánh giá trẻ cuối chủ đề và theo giai đoạn.

II. Dành cho bậc Tiểu học:

1. Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

2. Thông tư số 20/2018/TT- BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

3. Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2010 ban hành điều lệ trường tiểu học và Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 22/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định ban hành điều lệ trường tiểu học.

4. Thông tư số 28/2009/TT- BGDDT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT- BGDDT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT- BGDDT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá, xếp loại học sinh Tiểu học; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 về đánh giá, xếp loại học sinh Tiểu học.

III. Dành cho bậc Trung học cơ sở:

1. Thông tư số 12/2011/TT- BGDDT, ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

2. Thông tư số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

3. Thông tư số 20/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

4. Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế về đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh trung học phổ thông;

Thông báo này được thông báo trên sóng Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, Cổng thông tin điện tử huyện và niêm yết công khai tại Trụ sở làm việc của UBND huyện, Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện.

Trên đây là thông báo giới hạn nội dung, tài liệu ôn tập cho thí sinh tham dự kỳ xét tuyển đặc cách giáo viên vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục huyện Krông Bông năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đài TH-TH huyện;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- BBT Website huyện;
- Lưu: VT, PNV.

} Báo cáo

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Văn Long

